

**THÔNG TIN TÓM TẮT
VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

- Giấy chứng nhận 0301123125 do Sở Kế hoạch và Đầu thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ĐKKD số: ngày 30 tháng 6 năm 2010; thay đổi lần thứ 6 ngày 31 tháng 12 năm 2014
- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 38448358 Fax: (08) 38447812
- Website: www.sasco.com.vn

Phụ trách công bố thông tin: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ tên: Đoàn Thị Mai Hương

Số điện thoại: 08 38448358 (ext 207), số fax: 08 38447812

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	3
1. Quá trình hình thành và phát triển	3
2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công Ty (theo sơ đồ đính kèm)	4
3. Danh sách cổ đông	7
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng	8
5. Hoạt động kinh doanh	8
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất	10
7. Vị thế của Công Ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	10
8. Chính sách đối với người lao động	12
9. Chính sách cổ tức	13
10. Tình hình tài chính	13
11. Tài sản	13
12. Kế hoạch lợi nhuận	14
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng	17
14. Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015-2017	17
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công Ty	17
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	17
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội Đồng Quản Trị	17
2. Ban kiểm soát	26
3. Danh sách cán bộ quản lý (tính đến ngày 29/01/2015)	26
4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công Ty	28
III. PHỤ LỤC	28

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty dịch vụ cụm cảng hàng không Sân bay Miền Nam được thành lập theo Quyết định số 776/QĐ/TCCB-LĐ ngày 22/04/1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải; có tên giao dịch tiếng Anh là Southern Airports Services Company và viết tắt SASCO.

Năm 1994, SASCO được thành lập lại theo Quyết định số 1807/QĐ/TCCB-LĐ ngày 19/10/1994 của Bộ giao thông vận tải; là một doanh nghiệp nhà nước, hạch toán độc lập, chịu sự quản lý của Nhà nước và của Cục Hàng không Dân dụng Việt Nam.

Năm 1997, Tổng công ty Hàng không Việt Nam (“Tổng Công Ty”) ra đời trên cơ sở lấy hãng Hàng không quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines) làm nòng cốt và bao gồm các đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong ngành hàng không; SASCO, theo đó, trở thành một thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công Ty và được đổi tên thành Công ty dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.

Ngày 27/02/2006, Bộ trưởng Bộ Giao thông - Vận tải đã ban hành quyết định số 479/QĐ-BGTVT chuyển giao Công ty dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất thuộc Tổng Công Ty về Cục Hàng không Miền Nam.

Ngày 16/01/2008, Bộ Giao thông - Vận tải đã ban hành Quyết định số 168/QĐ-BGTVT thành lập Tổng công ty Cảng Hàng không Miền Nam trên cơ sở Cục Hàng không các Sân bay Miền Nam; SASCO chính thức trở thành một doanh nghiệp hạch toán độc lập trực thuộc Tổng công ty Cảng Hàng không Miền Nam.

Thực hiện chủ trương đổi mới doanh nghiệp của Nhà nước, từ ngày 01/07/2010, Công ty dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất chuyển đổi loại hình kinh doanh thành Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất trực thuộc Tổng công ty Cảng Hàng không Miền Nam.

Ngày 08/02/2012, Bộ Giao thông Vận tải đã ban hành Quyết định số 238/QĐ-BGTVT thành lập Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam, tổ chức hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; SASCO trở thành công ty con trực thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.

Thực hiện Quyết định số 49/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông - Vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất đã tiến hành các thủ tục cổ phần hóa doanh nghiệp.

Đến ngày 31/12/2014, Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất đã hoàn tất công tác cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới loại hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh Nghiệp năm 2005; với tên gọi là **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT (“Công Ty/SASCO”)** và đăng ký số vốn điều lệ 1.315.000.000.000 (*Một nghìn ba trăm mười lăm tỷ*) đồng.

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công Ty (theo sơ đồ đính kèm)

2.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại Hội Đồng Cổ Đông (“ĐHĐCD”) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty.

2.2. Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị (“HĐQT”) là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD; HĐQT có năm (05) thành viên, gồm Chủ tịch và các thành viên.

2.3. Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát (“BKS”) thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCD khi thực hiện các nhiệm vụ được giao. BKS có ba (03) thành viên, gồm Trưởng ban và các thành viên.

2.4. Ban Tổng Giám Đốc (Tổng Giám Đốc và các Phó Tổng Giám Đốc)

Tổng Giám Đốc (“TGD”) là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật khi thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp TGD điều hành hoạt động của Công Ty có các Phó TGD.

2.5. Kế Toán Trưởng

Kế Toán Trưởng (“KTT”) do HĐQT bổ nhiệm; KTT giúp Ban TGD tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công Ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

2.6. Bộ máy giúp việc gồm tám (08) phòng ban chức năng:

- **Văn Phòng Công Ty (“VP”)**: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban TGD trong công tác: hành chính, tổng hợp; văn thư, lưu trữ; quản lý kỹ thuật.
- **Phòng Tài Chính Kế Toán (“Phòng TCKT”)**: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban TGD trong công tác: tài chính, kế toán; thống kê; kế hoạch.
- **Phòng Tổ Chức Nhân Sự (“Phòng TCNS”)**: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban TGD trong công tác: tổ chức, quản lý cán bộ, lao động; tiền lương, thực hiện chính sách chế độ cho người lao động; tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

- **Phòng Tiếp Thị:** Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban TGD trong công tác phát triển thương hiệu và marketing.
- **Phòng Đầu Tư:** Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban TGD trong công tác: tổ chức quản lý, triển khai thực hiện các dự án của Công Ty.
- **Phòng Pháp Lý Và Kiểm Soát Tuân Thủ:** Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban TGD trong công tác: pháp lý, kiểm soát tuân thủ và quản trị nội bộ Công Ty.
- **Phòng Tiêu Chuẩn Chất Lượng (“Phòng TCCL”):** Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban TGD trong công tác: nghiên cứu, xây dựng các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng cho các sản phẩm, dịch vụ, xây dựng quy trình sản xuất của Công Ty; kiểm tra, đánh giá đạt chuẩn cho các sản phẩm, dịch vụ, quy trình sản xuất của các đơn vị, bộ phận trực thuộc Công Ty.
- **Phòng Công Nghệ Thông Tin (“Phòng CNTT”):** Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban TGD trong lĩnh vực công nghệ thông tin, tổ chức thiết kế, xây dựng các chương trình phần mềm ứng dụng; tổ chức quản lý, vận hành hệ thống mạng máy tính; tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thông tin liên lạc của Công Ty.

2.7. Các đơn vị kinh doanh:

- **Trung Tâm Thương Mại SASCO tại Sân bay Tân Sơn Nhất (“TTTM”):** Là đơn vị kinh doanh hạch toán phụ thuộc trực thuộc SASCO, có chức năng tổ chức kinh doanh trong các lĩnh vực sau:
 - ◆ Hoạt động mua, bán: hàng bách hóa, mỹ nghệ, vàng bạc đá quý, bán vé máy bay, kinh doanh xăng dầu, xuất nhập khẩu;
 - ◆ Hoạt động dịch vụ: ăn uống, giải khát, phòng khách hạng C, thu đổi ngoại tệ, massage, vận chuyển khách trong và ngoài sân bay, giao nhận hàng hóa, du lịch, trợ giúp hành khách; dịch vụ sân bay;
 - ◆ Hoạt động sản xuất: sản xuất và kinh doanh nước mắm.
- **Phòng Kinh Doanh Hàng Miễn Thuế (“Phòng KDMT”):** Là đơn vị bán hàng miễn thuế tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất; thực hiện xuất nhập khẩu hàng hóa miễn thuế phục vụ hoạt động kinh doanh của đơn vị; tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban TGD

trong công tác tổ chức quản lý hàng hóa, hoạch định chiến lược kinh doanh – tiếp thị, thực hiện chức năng tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế theo phân cấp.

2.8. Các chi nhánh

- Chi Nhánh Công Ty tại Phú Quốc
 - ◆ Địa chỉ: 379 Nguyễn Trung Trực, KP.5, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
 - ◆ Mã số chi nhánh: 0301123125-006.
- Chi Nhánh Công Ty tại Hà Nội
 - ◆ Địa chỉ: 74 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội
 - ◆ Mã số chi nhánh: 0301123125-008.

3. Danh sách cổ đông

3.1. Cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần của Công Ty

1. Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, tỉ lệ: 51%
2. Công ty TNHH xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương, tỉ lệ: 16%
3. Công ty cổ phần đầu tư - thương mại và dịch vụ Hoàn Lộc Việt: 22,11%

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Công Ty được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước nên không có cổ đông sáng lập.

3.3. Cơ cấu cổ đông

TT	Loại cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần	Tỉ lệ nắm giữ (%)
1	Tổ chức	5	127.172.794	96,71
2	Cá nhân trong nước	1203	4.327.206	3,29
3	Cá nhân ngoài nước	0	0	0,00
Tổng cộng		1.208	131.500.000	100

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

- Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công Ty: Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam, tỉ lệ nắm giữ: 51%
- Công ty mà Công Ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối gồm: Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất, tỷ lệ nắm giữ: 65%.

5. Hoạt động kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công Ty đã đăng ký, gồm:

- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (Trừ hoạt động thể thao)
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Chuyển phát
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (Trừ vận tải bằng xe buýt)
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (Không hoạt động tại trụ sở)
- Trồng cây ăn quả (Không hoạt động tại trụ sở)
- Đại lý du lịch
- Quảng cáo
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
- Hoạt động viễn thông có dây (trừ dịch vụ truy cập internet)
- Hoạt động viễn thông không dây (trừ dịch vụ truy cập internet)
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón (Không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (Không hoạt động tại trụ sở)

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (Không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Không hoạt động tại trụ sở)
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Điều hành tour du lịch. Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu
- Sản xuất giống thủy sản (Không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Không hoạt động tại trụ sở)
- Trồng rừng và chăm sóc rừng (Không hoạt động tại trụ sở)
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe mô tô, xe máy
- Xây dựng nhà các loại
- Hoạt động tư vấn quản lý
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Vận tải đường ống (Không hoạt động tại trụ sở)

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất

ĐVT: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014	
	Thực hiện	% tăng giảm so với năm 2012	Thực hiện	% tăng giảm so với năm 2013
Tổng doanh thu thuần	2,143,072,532	110.17%	2,141,780,611	99.94%
Lợi nhuận sau thuế	92,359,895	93.37%	104,014,030	112.62%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4.31%	84.75%	4.86%	112.69%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	10.19%	85.37%	9.35%	91.76%

7. Vị thế của Công Ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công Ty

Công Ty là doanh nghiệp có vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp hàng hóa và dịch vụ tại sân bay Tân Sơn Nhất với nhiều lợi thế:

- Với công suất với 17-20 triệu lượt khách mỗi năm (so với công suất hiện tại của Sân bay Nội Bài là 6 triệu, Sân bay Đà Nẵng là 3 triệu), Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất là một trong những cửa ngõ quan trọng kết nối Việt Nam và thế giới;
- Qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, SASCO đã và đang tạo dựng một tên tuổi vững chắc trong ngành cung cấp dịch vụ và hàng hóa tại các Cảng sân bay.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Dự báo thị trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025:

Theo Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) dự báo tốc độ tăng trưởng về hành khách trên thế giới sẽ đạt tương ứng 5,9% và 6,3% năm 2014 và 2015.

Với sự chuyển biến tích cực của kinh tế thế giới và khởi sắc của kinh tế Việt Nam, đặc biệt, những yếu tố thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của ngành hàng không nói chung, của Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Sân bay quốc tế Phú Quốc nói riêng, SASCO dự báo tình hình thị trường của Công Ty đến 2020 và tầm nhìn đến 2015 như sau:

- **Thị trường trong sân bay:**

• **Tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất**

- ◆ Theo nguồn từ Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) tổng hợp, hiện nay, Sân bay Tân Sơn Nhất đã đạt ngưỡng 20 triệu lượt khách, lúc cao điểm đạt 550 chuyến một ngày và 02 tháng đầu năm 2014 thị trường hàng không tiếp tục tăng cao ở con số 23%;
- ◆ Theo Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam, sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất sau khi cải tạo, mở rộng sẽ đạt công suất tối đa 25 triệu hành khách/năm và sẽ ảnh hưởng đến tốc độ phát triển quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty;
- ◆ Hiện nay, thị trường kinh doanh của SASCO đã và đang xuất hiện nhiều yếu tố cạnh tranh, tại sân bay, các tổ chức và cá nhân đều có thể tham gia kinh doanh làm thị phần của SASCO bị chia sẻ;
- ◆ Mặc dù thị trường đã đạt đỉnh và bị chia sẻ, nhưng với năng lực, kinh nghiệm đã được tích lũy trong nhiều năm trong việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao, SASCO khẳng định sẽ tiếp tục giữ vị thế hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ hàng không tại Sân bay Tân Sơn Nhất, duy trì tốc độ tăng trưởng, chỉ số tài chính ở mức an toàn cao, hệ thống sản phẩm, hàng hóa, đa dạng, chất lượng dịch vụ tốt.

• **Thị trường ngoài sân bay:**

- ◆ Duy trì và phát triển các sản phẩm, dịch vụ hiện có: sản xuất đóng chai nước mắm Phú Quốc, dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, dịch vụ du lịch ...;
- ◆ Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch, vận chuyển tại thị trường Phú Quốc;
- ◆ Đầu tư kinh doanh triển khai các dự án khu du lịch nghỉ dưỡng, khai thác kinh doanh nước khoáng, triển khai các dự án trung tâm thương mại, nhà ở xã hội...;
- ◆ Công Ty đã thiết lập được mối quan hệ, gắn bó lâu dài, ổn định với các đối tác hợp tác kinh doanh, mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng và ngân hàng. Với chính sách mở cửa và hội nhập toàn diện, Công Ty sẽ có cơ hội hợp tác và phát triển thị trường, cũng như thực hiện việc liên doanh, liên kết với các đối tác trong quá trình phát triển.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng người lao động

Tính đến hết ngày 29/01/2015, tổng số lao động trong Công Ty là 1506 người.

Đơn vị	Giới tính		Trình độ chuyên môn					
	Nam	Nữ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Đào tạo nghiệp vụ
CN Hà Nội	3	3	0	5	1	0	0	0
CN Phú Quốc	331	121	0	17	18	48	139	230
Khối cơ quan Công Ty	56	50	19	65	9	5	1	7
Phòng KDMT	74	214	0	81	12	28	2	165
TTTM	279	375	2	167	42	64	9	370
Tổng	743	763	21	335	82	145	151	772

8.2. Các chính sách cơ bản đối với người lao động

Các chính sách cơ bản đối với người lao động của Công Ty hiện nay vẫn được áp dụng theo các quy định được ban hành trước thời điểm cổ phần hóa; và Công Ty đang tiến hành xây dựng các chính sách mới để phù hợp với loại hình doanh nghiệp công ty cổ phần.

- Chính sách lương:

Chính sách trả lương của Công Ty được xây dựng căn cứ trên các tiêu chí: tiền lương gắn liền với kết quả sản xuất kinh doanh, tương xứng với công việc, phù hợp với năng lực, kết quả thực hiện công việc của từng người lao động, đảm bảo tính công bằng và minh bạch.

- Chính sách đào tạo:

SASCO luôn tạo điều kiện để cán bộ nhân viên có cơ hội được đào tạo, phát triển nghề nghiệp chuyên môn nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ chuyên môn giỏi, thái độ tốt. Hàng năm, SASCO đều xây dựng kế hoạch đào tạo đến từng cán bộ nhân viên phù hợp với chiến lược phát triển của Công Ty.

- Chính sách phúc lợi:

Nhiều năm liên tục, SASCO được tặng bằng khen của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc thực hiện tốt chính sách cho người lao động.

9. Chính sách cổ tức

Công Ty được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước từ cuối năm 2014 nên chưa trả cổ tức và chưa có chính sách về cổ tức.

10. Tình hình tài chính

ĐVT : 1.000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2013	NĂM 2014	% tăng (giảm) 2014/2013
1	Tổng doanh thu thuần	2,143,072,532	2,141,780,611	99.94%
2	Lợi nhuận trước thuế	122,518,785	135,098,000	110.27%
3	Lợi nhuận sau thuế	92,359,895	104,014,030	112.62%
4	Vốn chủ sở hữu (vốn nhà nước bình quân)	906,383,060	1,112,463,295	122.74%
5	Lợi nhuận trước thuế/vốn CSH	13.52%	12.14%	89.84%
6	LN sau thuế/ VCSH bình quân (ROE)	10.19%	9.35%	91.76%
7	LN sau thuế/ Tổng TS bình quân (ROA)	5.89%	5.93%	100.67%
8	LN trước thuế/Tổng doanh thu thuần	5.72%	6.31%	110.33%
9	Tổng doanh thu thuần/Tổng tài sản	137.08%	110.23%	80.41%
10	Hệ số nợ/Tổng tài sản	41.69%	32.84%	78.77%

11. Tài sản

ĐVT : 1.000 đồng

STT	TÊN TÀI SẢN	NGUYÊN GIÁ	Giá trị còn lại tại 31/12/2014
1	Nhà điều hành Công ty SASCO	50,026,535,855	31,794,321,482
2	Hệ thống thang máy nhà điều hành	2,537,906,267	507,581,253
3	Hạng mục trang trí nội thất nhà hàng Skynet (G09D31)	4,518,271,901	4,510,984,358
4	Khu nhà làm việc, nhà xưởng trạm nước mắm Long Hậu	8,829,890,644	8,827,991,744

5	Đường nội bộ + gia cố vỉa hè đường nối KCN trạm nước mắm Long Hậu	2,084,257,928	2,082,016,780
6	Hệ thống PCCC và chống sét	1,029,343,779	1,017,722,155
7	Xe COBUS 3000 108 chỗ	6,616,119,725	1,323,223,945
8	Xe COBUS 3000 108 chỗ	6,616,119,725	1,323,223,945
9	Xe COBUS 3000 108 chỗ	6,205,887,700	1,241,177,540
10	Xe COBUS 3000 108 chỗ	6,750,587,225	1,350,117,445
11	Xe COBUS 2400 39 chỗ	4,307,721,386	861,544,277
12	Xe COBUS 2400 39 chỗ	4,307,721,386	861,544,277
13	Xe COBUS 2400 39 chỗ	4,307,721,385	861,544,277
14	Xe COBUS 3000	8,985,571,881	1,249,778,946
15	Xe COBUS 3000	8,985,571,881	1,249,778,946
16	Xe COBUS 3000	8,985,571,881	1,249,778,946
17	Xe COBUS 3000	8,985,571,880	1,249,778,946
18	Xe COBUS 2400 ; 39 chỗ	5,090,563,990	679,460,872
19	Xe Bus XINFA, Model: ABUS 6300, 126 chỗ (16 chỗ ngồi+110 chỗ đứng), màu nâu trắng	5,735,950,000	4,158,563,752
20	Xe Bus XINFA, Model: ABUS 6300, 126 chỗ (16 chỗ ngồi+110 chỗ đứng), màu nâu trắng	5,735,950,000	4,158,563,752
21	Xe Bus XINFA, Model: ABUS 6300, 126 chỗ (16 chỗ ngồi+110 chỗ đứng), màu trắng	5,930,627,273	5,063,638,040
22	Xe Bus XINFA, Model: ABUS 6300, 126 chỗ (16 chỗ ngồi+110 chỗ đứng), màu trắng	5,930,627,273	5,063,638,040

12. Kế hoạch lợi nhuận

ĐVT: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2014	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2015
Doanh thu thuần	2,145,423,188	100.17%	2,468,306,000	115.05%
Lợi nhuận sau thuế	135,282,645	130.06%	185,951,000	137.45%

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6.31%	129.84%	7.53%	119.47%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	10.24%	109.47%	14.02%	136.97%

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch trong giai đoạn năm 2015-2016 đã đề ra, Công Ty đưa ra nhóm giải pháp gồm:

- Giải pháp kinh doanh:

• Tại thị trường mục tiêu :

- ◆ Cùng cố, duy trì và phát triển thị trường mục tiêu tại Sân bay Tân Sơn Nhất;
- ◆ Đa dạng hóa các sản phẩm, các hoạt động dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng; tận dụng lợi thế cạnh tranh tại thị trường mục tiêu phát triển các loại hình dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng;
- ◆ Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và giá cả cạnh tranh để không ngừng gia tăng doanh thu thông qua việc tìm kiếm và khai thác triệt để các nguồn cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng, uy tín và hiệu quả.

• Tại thị trường bên ngoài :

- ◆ Cùng cố và phát triển các sản phẩm và dịch vụ tại các thị trường hiện hữu, gồm Phú Quốc, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;
- ◆ Tăng cường công tác nghiên cứu thị trường; quảng bá sản phẩm và dịch vụ của công ty; tìm kiếm và tạo các kênh phân phối để đưa sản phẩm và dịch vụ của công ty ra thị trường trong và ngoài nước; và xúc tiến đầu tư và thương mại tại thị trường Châu Âu.

- Giải pháp về đầu tư:

- ◆ Triển khai các dự án trọng điểm, các dự án mang lại hiệu quả cao đã được các cơ quan chức năng chấp thuận đầu tư;
- ◆ Đầu tư vốn hướng tới mục tiêu tận dụng hết khả năng nhân lực hiện tại, đồng thời mang lại tích lũy nhanh. Các hoạt động đầu tư sẽ nhắm tới các công ty, các dự án mang tính chiến lược và có nhiều khả năng thu lợi nhuận lớn.

- **Giải pháp về vốn, tài chính:**

- ◆ Tăng cường các hình thức huy động vốn để đảm bảo vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công Ty, đồng thời tăng tích lũy vốn để mở rộng đầu tư phát triển;
- ◆ Các giải pháp về nguồn vốn cụ thể: Dựa vào tiềm lực tài chính, uy tín kinh doanh của Công Ty để tăng cường và mở rộng hợp tác với ngân hàng đã và đang có quan hệ tín dụng nhằm thực hiện chi phí vốn vay thấp nhất; tập trung nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản; chú trọng sử dụng vốn trong thanh toán của khách hàng một cách hiệu quả nhất.

- **Giải pháp về nguồn nhân lực:**

- ◆ Cải tiến hệ thống đánh giá kết quả thực hiện công việc, gắn mục tiêu của Công Ty với mục tiêu cụ thể của từng đơn vị và người lao động; tăng cường công tác đánh giá nguồn nhân lực hiện tại, đào tạo để phát triển nhân viên đáp ứng yêu cầu phát triển của Công Ty;
- ◆ Thu hút, tuyển dụng lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, nhiều kinh nghiệm và am hiểu thị trường để bổ sung nguồn nhân lực còn thiếu hụt;
- ◆ Cải tiến hệ thống lương, thưởng gắn với năng lực của người lao động, kết quả thực hiện công việc của nhân viên, tạo động lực thúc đẩy năng suất lao động, đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với thị trường bên ngoài.

- **Kế hoạch marketing quảng bá thương hiệu:**

- ◆ Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch quảng cáo, tiếp thị hiệu quả, đảm bảo đáp ứng tối ưu nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công Ty.
- ◆ Tích cực quảng bá và khẳng định thương hiệu SASCO thông qua chất lượng phục vụ các hoạt động kinh doanh thương mại; duy trì quan hệ tốt và đẩy mạnh công tác tiếp thị với các tỉnh, thành phố địa phương trên cả nước để nắm bắt kịp thời nhu cầu đầu tư phát triển.
- ◆ Xây dựng tiêu chuẩn hệ thống thông tin khách hàng, hoàn thành ngân hàng dữ liệu khách hàng, chuẩn hóa chính sách chất lượng sản phẩm, chính sách phục vụ nhằm đảm bảo uy tín lớn của SASCO với khách hàng.

- **Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí:**

- ◆ Xây dựng và ban hành các định mức chi phí; kiểm soát việc thực hiện các định mức đã được

ban hành; tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên thực hiện các định mức và tiết kiệm chi phí và chống lãng phí.

- ◆ Khen thưởng, kỷ luật kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong việc tiết kiệm, chống lãng phí.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Không có

14. Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015-2017

ĐVT : 1.000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2014	Kế hoạch năm		
			2015	2016	2017
1	Tổng doanh thu thuần	2,141,780,611	2,145,423,188	2,468,306,000	2,506,062,758
2	Tổng chi phí	2,006,682,611	1,980,766,573	2,242,743,801	2,278,242,519
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	135,098,000	164,656,615	225,562,199	227,820,239
4	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	104,014,030	135,282,645	185,951,000	187,755,589
5	Tổng vốn chủ sở hữu	1,112,463,295	1,321,764,132	1,326,412,907	1,337,755,572
6	Tỷ lệ lãi trước thuế/ VCSH	12.14%	12.46%	17.01%	17.03%
7	Tỷ lệ lãi sau thuế/ VCSH	9.35%	10.24%	14.02%	14.04%

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công Ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội Đồng Quản Trị

- HĐQT gồm có năm (05) thành viên do ĐHCĐ quyết định, gồm Chủ tịch HĐQT và các thành viên; danh sách thành viên HĐQT gồm các Ông/Bà có tên sau:

TT	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Chức vụ	Ghi chú
----	--------	------	-----------	---------	---------

		tính			
1	ĐOÀN THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	06/07/1967	Chủ tịch	Thành viên điều hành
2	ĐẶNG TUẤN TÚ	Nam	05/07/1963	Ủy viên	Thành viên không điều hành
3	PHAN LÊ HOAN	Nam	25/09/1958	Ủy viên	Thành viên không điều hành
4	LÊ HỒNG THÚY TIÊN	Nữ	11/03/1970	Ủy viên	Thành viên không điều hành
5	PHAN VŨ TUẤN	Nữ	06/05/1969	Ủy viên	Thành viên không điều hành

- Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT:

1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên : **ĐOÀN THỊ MAI HƯƠNG**
Giới tính : Nữ Ngày sinh: 06/07/1967
Nơi sinh : Hà Nội
Số chứng minh nhân dân : 023322407
Cấp ngày : 07/05/2002 Nơi cấp: CA thành phố Hồ Chí Minh
Quê quán : Hà Nội
Địa chỉ thường trú : 04 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM

- Trình độ chuyên môn:

Thời gian (Từ tháng/năm đến tháng/năm)	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
01/1986 – 03/1991	Đại học Tổng hợp Moscow	Cử nhân luật kinh tế
11/1995 – 11/1999	Đại học Ngoại ngữ Hà Nội	Cử nhân ngoại ngữ
03/2005	Quality Society of Australia	External Quality Auditing ISO 9001:2000
11/2005	Phòng TM Công nghiệp Việt Nam	Chứng chỉ quản lý nhân sự

19/2006	Korea Airports Corporation Civil Aviation Training Center	Certificate of Customized Airport Terminal Operation for the Southern Airport Authority in Vietnam
06/2009	Singapore Aviation Academy (S.A.A)	Certificate of Fundamental of airport revenue course
11/2010	Trường doanh nhân Pace	Chứng chỉ Chiến lược cạnh tranh của các Doanh nghiệp trong thời đại mới
06/2014	Ủy ban chứng khoán Nhà nước	Chứng chỉ quản trị công ty đại chúng

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian (Từ tháng/năm đến tháng/năm)	Chức vụ	Tên tổ chức
06/1993 – 04/1999	Nhân viên Pháp lý	SASCO
05/1999 – 06/2002	Phó phòng Tổ chức – Văn phòng đối ngoại	SASCO
07/2002 – 05/2004	Phó Chánh Văn phòng	SASCO
06/2004 – 05/2007	Chánh Văn phòng kiêm Trưởng phòng tổ chức nhân sự	SASCO
06/2007 – 30/11/2014	Phó Giám đốc	SASCO
01/12/2014 – nay	Quyền Giám đốc Quyền Chủ tịch Công ty	SASCO

- Các vị trí quản lý đang nắm giữ các tổ chức khác:

T T	Tên tổ chức	Số Giấy ĐKKD	Vị trí	Thời gian bắt đầu giữ vị trí
1	Công ty cổ phần (CP) thương mại (TM) xăng dầu Tân Sơn Nhất (TSN)	0305515395	Chủ tịch Hội đồng quản trị (HDQT)	01/2008
2	Công ty (Cty) hàng hóa TSN	0301215249	Ủy viên HDQT	11/2010

1.2. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : **ĐẶNG TUẤN TÚ**
Giới tính : Nam Ngày sinh: 05/07/1963
Nơi sinh : Hà Nội
Số chứng minh nhân dân : 022641771
Cấp ngày : 14/05/2003 Nơi cấp: CA thành phố Hồ Chí Minh
Quê quán : Quảng Trị
Địa chỉ thường trú : Số 11 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP. HCM

- Trình độ chuyên môn:

Thời gian (Từ tháng/năm đến tháng/năm)	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
10/1980 - 10/1985	ĐH An ninh nhân dân	Cử nhân
2/1990 - 7/1990	Trường kinh tế đối ngoại	Giấy chứng nhận
3/1995 - 11/1995	ĐH An ninh nhân dân	Cử nhân
1998 - 2001	Đại học An ninh nhân dân	Thạc sỹ

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian (Từ tháng/năm đến tháng/năm)	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
10/1989 - 03/2002	Trình sát, Đội trưởng Đội 2	Phòng Bảo vệ An ninh kinh tế, Công an TP.HCM
03/2002 - 5/2005	Trung tá	Cục Bảo vệ Chính trị 3 – Tổng cục An ninh, Bộ Công an
6/2005 - 5/2007	Chuyên viên chính, Tổ trưởng tổ An ninh	Phòng Cảnh vụ Cục cảnh hàng không miền Nam

6/2007 - 5/2008	Phó phòng Cảng vụ	Cụm cảng hàng không miền Nam
5/2008 – 05/2011	Giám đốc Cty DV An ninh TSN	Cty Dịch vụ an ninh TSN, Tổng Cty (TCT) Cảng hàng không miền Nam
05/2011 – 03/2012	Thành viên Hội đồng thành viên (HĐTV), Giám đốc Trung tâm an ninh hàng không TSN	Trung tâm An ninh hàng không TSN– TCT Cảng hàng không miền Nam
03/2012 - nay	Thành viên HĐTV, Giám đốc Cảng hàng không quốc tế TSN	Cảng hàng không quốc tế TSN – TCT Cảng hàng không Việt Nam

- Các vị trí quản lý đang nắm giữ trong các tổ chức khác: Không có

1.3. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : **PHAN LÊ HOAN**
Giới tính : Nam Ngày sinh: 25/09/1958
Nơi sinh : Hà Nội
Số chứng minh nhân dân : 02264982
Cấp ngày : 25/5/2004 Nơi cấp: CA thành phố Hồ Chí Minh
Quê quán : Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú : 25/35/3 Cửu Long, Phường 2, quận Tân Bình, TP. HCM

- Trình độ chuyên môn

Thời gian (Từ tháng/năm đến tháng/năm)	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
1976 - 1980	Đại học sư phạm 1 Hà Nội	Cử nhân
1989 - 1993	Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Cử nhân
1997 - 1999	Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Bằng lý luận chính trị cao cấp
2002 - 2005	Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Thạc sỹ kinh tế
8/2002	IATA	Chứng chỉ

3/2001	Massey University	Chứng chỉ
--------	-------------------	-----------

- Kinh nghiệm công tác

Thời gian (Từ tháng/năm đến tháng/năm)	Chức vụ	Tên tổ chức
11/1980 – 10/1994	Thường vụ đoàn phường quận Hai Bà Trung, chỉ huy phó công trường xây dựng quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Thành Đoàn Hà Nội
10/1984 - 8/1988	Cán bộ nghiên cứu tổng hợp	TW Đoàn thường trú tại TP.HCM
09/1988 – 6/1989	Học tại trường đoàn cao cấp Liên Xô cũ, Ủy viên ủy ban kiểm tra TW Đoàn khóa 5	
07/1989 -09/1990	Chuyên viên Ban Tổ chức TW Đoàn theo dõi khu vực phía Nam	TW Đoàn thường trú tại TP.HCM
10/1990 – 3/1993	Phó giám đốc trung tâm khăn quàng đỏ trực thuộc Ban bí thư TW Đoàn	Ban bí thư TW Đoàn
4/1993 – 10/1993	Trưởng ban Quản trị ga, Trung tâm khai thác Cảng hàng không	Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất
11/1993 – 12/1996	Phó giám đốc Trung tâm khai thác Cảng	Cụm Cảng hàng không Sân bay miền Nam
12/1996 – 3/2003	Phó giám đốc Trung tâm khai thác ga TSN	Cụm Cảng hàng không Sân bay miền Nam
4/2003 - 10/2010	Giám đốc Trung tâm khai thác ga TSN	Cụm Cảng hàng không miền Nam
10/2010 - 02/2012	Thành viên HĐTV TCT Cảng hàng không miền Nam; Giám đốc Trung tâm khai thác ga Tân Sơn Nhất	TCT Cảng hàng không miền Nam
02/2012 - nay	Thành viên chuyên trách HĐTV TCT Cảng hàng không Việt Nam; Trưởng Ban Pháp chế - Kiểm soát nội bộ; Giám đốc Cảng	TCT Cảng hàng không Việt Nam

Thời gian (Từ tháng/năm đến tháng/năm)	Chức vụ	Tên tổ chức
	hàng không quốc tế Cam Ranh	

- Các vị trí quản đang nắm giữ trong các tổ chức khác: Không có

1.4. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : **LÊ HỒNG THỦY TIÊN**
Giới tính : Nữ Ngày sinh: 11/03/1970
Nơi sinh : An Giang
Số chứng minh nhân dân : 02264982
Cấp ngày : 29/07/2011 Nơi cấp: CA thành phố Hồ Chí Minh
Quê quán : An Giang
Địa chỉ thường trú : 48 Ngô Quang Huy, phường Thảo Điền, Quận 2, TP. HCM

- Trình độ chuyên môn:

Thời gian (Từ tháng/năm đến tháng/năm)	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
Năm 1993	Trường Đại Học Kinh tế TP.HCM	Cử nhân Kinh tế

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian (Từ tháng/năm đến tháng/năm)	Chức vụ	Tên tổ chức
1996– 2004	Tổng giám đốc	Siêu thị Miền Đông và Siêu thị Bình Dân tại TP.HCM
2002 – nay	Tổng giám đốc Chủ tịch HĐQT hoặc Thành viên HĐQT	Cty TNHH xuất nhập khẩu (XNK) Liên Thái Bình Dương; Cty TNHH Thế Kỳ Vàng; Cty TNHH dịch vụ (DV) thực phẩm và giải khát Việt Nam Cty TNHH DV thực phẩm và giải khát Cánh Diều Xanh

Thời gian (Từ tháng/năm đến tháng/năm)	Chức vụ	Tên tổ chức
		Cty TNHH thực phẩm và giải khát Việt Nam Cty TNHH thời trang và mỹ phẩm Duy Anh Cty TNHH quảng cáo XNK Liên Thái Bình Dương Cty TNHH DV phân phối XNK Liên Thái Bình Dương Cty TNHH DV phân phối Đông Dương Cty TNHH thời trang và Mỹ Phẩm Châu Mỹ
2010 - nay	Thành viên ban quản trị	Trung tâm TM Tràng Tiền Hà Nội

- Các vị trí quản lý đang nắm giữ trong các tổ chức khác:

TT	Tên tổ chức	Giấy ĐKKD	Vị trí	Thời gian bắt đầu giữ vị trí
1	Cty TNHH XNK Liên Thái Bình Dương	0302826071	Tổng Giám Đốc	2002
2	Cty TNHH Thế Kỳ Vàng	3900336463	Chủ tịch HĐQT	2004
3	Cty TNHH thời trang và Mỹ Phẩm Duy Anh	0304130177	Chủ tịch HĐQT	2005
4	Cty TNHH DV Thực Phẩm Và Giải Khát Việt Nam	0310362754	Chủ tịch HĐQT	2010
5	Cty TNHH DV Thực Phẩm Và Giải Khát Cánh Diều Xanh	0310840601	Chủ tịch HĐQT	2011
6	Cty TNHH DV Phân phối XNK Liên Thái Bình Dương	0310750027	Chủ tịch HĐQT	2011
7	Cty TNHH quảng cáo XNK Liên Thái Bình Dương	0310750034	Chủ tịch HĐQT	2011
8	Cty TNHH Thực Phẩm Và Giải Khát Việt Nam	0312068846	Chủ tịch HĐQT	2012
9	Cty TNHH Dịch vụ Phân phối Đông Dương	0311564834	Chủ tịch HĐQT	2012
10	Cty TNHH Thời trang và Mỹ Phẩm Châu Mỹ	0310619248	Thành viên HĐTV	2011
11	Trung tâm TM Tràng Tiền Hà Nội	0101013157	Thành viên ban	2010

TT	Tên tổ chức	Giấy ĐKKD	Vị trí	Thời gian bắt đầu giữ vị trí
			quản trị	

1.5. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : **PHAN VŨ TUẤN**
Giới tính : Nam Ngày sinh: 06/05/1969
Nơi sinh : Hà Nam
Số chứng minh nhân dân : 024177532
Cấp ngày : 13/12/2010 Nơi cấp: CA thành phố Hồ Chí Minh
Quê quán : Hà Nam
Địa chỉ thường trú : 109/10 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đakao, Quận 1, TP. HCM

- Trình độ chuyên môn:

Thời gian (Từ tháng/năm đến tháng/năm)	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
1988 – 1992	Đại học Ngân hàng	Cử nhân Tài chính Ngân hàng
2013 – 2014	Bộ Tư pháp	Đầu giá viên

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian(Từ tháng/năm đến tháng/năm)	Chức vụ	Tên tổ chức
1992 – 1994	Cán bộ thanh tra	Ngân hàng Nhà nước tại Tp.HCM
1994 – 1999	Chuyên viên thanh toán quốc tế	Vietcombank
1999- 2001	Trợ lý giám đốc đối ngoại, ngoại hối	UOB HCM
2001 – 2003	Giám đốc sản xuất	Văn phòng đại diện Dragonline tại TP.HCM

Thời gian(Từ tháng/năm đến tháng/năm)	Chức vụ	Tên tổ chức
2004 – 2006	Giám đốc chi nhánh	Ngân hàng VIB bank
2006 – 2007	Phó tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh TP.HCM	Cty CP chứng khoán quốc tế Việt Nam
7/2007 – 7/2009	Tổng giám đốc	Cty CP quản lý quỹ Lộc Việt
2010 – nay	Phó giám đốc, thành viên HĐQT	Cty CP đầu tư TM và DV Hoàn Lộc Việt
09/2014 – nay	Chủ tịch HĐQT	Cty CP chứng khoán Phương Đông

- Các vị trí quản lý đang nắm giữ trong các tổ chức khác:

TT	Tên tổ chức	Số Giấy ĐKKD	Vị trí	Thời gian bắt đầu giữ vị trí
1	Cty CP Đầu tư TM và DV Hoàn Lộc Việt	0304854765	Phó giám đốc, Thành viên HĐQT	2010
2	Cty CP chứng khoán Phương Đông	4103005822	Chủ tịch HĐQT	23/09/2014

2. Ban kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm Soát gồm các Ông/Bà có tên sau:

1. Bà Huỳnh Thị Diệu
2. Ông Trần Phước Hải
3. Bà Lê Thị Mỹ Hạnh

3. Danh sách cán bộ quản lý (tính đến ngày 29/01/2015)

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Chức vụ
1	ĐOÀN THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	06/07/1967	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
2	LÊ CHÍ CÔNG	Nam	29/09/1956	Phó TGD

3	NGUYỄN VĂN HÙNG CƯỜNG	Nam	10/07/1968	Trưởng Phòng TCKT kiêm KTT
4	TRẦN ANH SƠN	Nam	04/02/1968	Quyền Chánh VP
5	PHẠM MINH LỘC	Nam	30/11/1960	Phó Chánh VP
6	NGUYỄN THỊ NHƯ YÊN	Nữ	20/02/1980	Phó Chánh VP
7	TRẦN THỊ KIỀU ANH	Nữ	02/11/1969	Phó Chánh VP
8	NGUYỄN MINH NGỌC	Nữ	04/06/1981	Trưởng Phòng TCNS
9	LÊ THỊ BÍCH	Nữ	21/08/1963	Phó Phòng TCNS
10	HUỶNH THỊ TRÚC PHƯƠNG	Nữ	22/10/1971	Phó Phòng TCNS
11	PHAN THỊ HỒNG LIÊN	Nữ	05/08/1960	Phó Phòng TCKT
12	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	02/03/1960	Phó Phòng TCKT
13	LƯƠNG CHÍ MINH MÃN	Nam	30/10/1974	Trưởng Phòng CNTT
14	PHẠM ANH TUẤN	Nam	11/11/1980	Phó Phòng CNTT
15	TRẦN THỊ MINH NGỌC	Nữ	08/11/1965	Trưởng Phòng TCCL
16	NGUYỄN HỮU KHIÊM	Nam	26/05/1963	Phó, Phụ trách Phòng Đầu Tư
17	BÙI MINH TUẤN	Nam	08/03/1980	Phó, Phụ trách Phòng Tiếp Thị
18	PHẠM THỊ HƯỜNG	Nữ	21/02/1959	Trưởng Phòng KDMT
19	NGUYỄN THỊ THÁI THANH	Nữ	29/07/1977	Phó Phòng KDMT
20	CAO HỮU MINH NHỰT	Nam	30/09/1974	Giám Đốc TTTM
22	NGUYỄN THỊ THOẠI	Nữ	09/09/1960	Phó Giám Đốc TTTM
23	NGUYỄN NGỌC KHANH	Nam	27/11/1968	Phó Giám Đốc TTTM
24	TRẦN MẠNH HÀ	Nam	28/07/1958	Giám Đốc Chi Nhánh tại Hà Nội
25	LÊ THANH HÀ	Nam	20/05/1965	Giám Đốc Chi Nhánh tại Phú Quốc kiêm Giám Đốc KND SASCO Blue Lagoon Resort

26	HỒ VĂN TRUNG	Nam	19/04/1980	Phó Giám Đốc Chi Nhánh Công Ty tại Phú Quốc
----	--------------	-----	------------	--

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công Ty

- Công Ty cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng;
- Công Ty sẽ ban hành các Quy chế về quản trị công ty đại chúng và Quy chế công bố thông tin để phục vụ công tác quản trị; và áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản trị doanh nghiệp đồng thời phân công cán bộ phụ trách về công bố thông tin để đảm bảo việc công bố nhanh chóng, phù hợp các quy định của pháp luật.

III. PHỤ LỤC

1. Báo cáo tài chính 2014
2. Danh sách cổ đông đến hết ngày 29/01/2015
3. Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
4. Bản sao hợp lệ Điều lệ Công Ty

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 01 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐOÀN THỊ MAI HƯƠNG

